TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 8 – 2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Hóa.
2. Ông Nguyễn Văn Quốc.

- Thư ký phiên toà: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Tấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh **N. T. V**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: chị **N. T. T. L**, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh N. T. V trình bày:

Anh và chị N. T. T. L chung sống từ tháng 9/2022, do tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh và chị L sống chung với cha ruột của anh tại ấp H, xã B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi vợ chồng về sống chung một nhà, chị L thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột hoặc ngủ lại tại nhà cha mẹ ruột, không về nhà. Thời gian sau này chị L tự ý về nhà cha mẹ ruột, không hỏi ý kiến của ai. Đến tháng 11/2022 thì chị L ở hẳn nhà cha mẹ ruột cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng không có tiếng nói chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/3/2023, anh V yêu cầu chia đôi các tài sản gồm: 01 đôi bông tai kim cương 3,6 ly trị giá 25.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24K 98% trọng lượng 05 chỉ trị giá 26.500.000 đồng; 01 chiếc kiềng đeo cổ vàng 24K 98% trọng lượng 03 chỉ trị giá 15.900.000 đồng; một chiếc lắc đeo tay vàng 24K 98% trọng lượng 03 chỉ trị giá 15.900.000 đồng; 02 nhẫn vàng 24K 98% trọng lượng 04 chỉ do mẹ vợ Lâm Ngọc Thuận cho; 01 nhẫn vàng 24K 98% trọng lượng 02 chỉ do anh vợ Đ. V. T cho; 01 nhẫn vàng 24K 98% trọng lượng 01 chỉ do anh N. T. B và chị N. N. T cho; 01 nhẫn vàng 24K 98% trọng lượng 01 chỉ do bà N. T. T cho. Ngày 19/7/2023, anh V có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nữa.

Về nợ chung: anh V trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị N. T. T. L trình bày:

Chị L thống nhất lời trình bày của anh V về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, không có con chung là đúng. Chị và anh V chung sống với nhau là do tự nguyện nhưng quen biết nhau do mai mối nên hai bên chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu nhau. Sau khi vợ chồng về sống chung được khoảng 1,5 tháng thì mẹ chị bị bệnh nên chị xin phép bên chồng về nhà chăm mẹ 02 ngày. Sau khi chị quay về thì anh V khóa cửa phòng, chị không vào nhà được nên quay về nhà mẹ ruột ở. Sau đó, các anh, chị bên chồng nhắn tin mắng chửi và xúc phạm chị nên chị và anh V sống ly thân luôn cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh V có quá nhiều bất đồng, hai bên cũng không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

Về con chung: chị và anh V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: không công nhận anh N. T. V và chị N. T. T. L là vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn anh N. T. V và bị đơn chị N. T. T. L vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh N. T. V và chị N. T. T. L chung sống như vợ chồng từ tháng 9/2022, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, đến tháng 11/2022 thì anh V và chị L không còn sống chung một nhà nữa. Tại biên bản xác nhận ngày 01/3/2023, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận: "*chị N. T. T. L, sinh năm 1987 và anh N. T. V, sinh năm 1984 không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B*". Như vậy, việc anh V và chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N. T. V và chị N. T. T. L.

[3] Về con chung: anh V, chị L trình bày không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: ghi nhận anh V tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với chị L. Chị L trình bày chị và anh V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về nợ chung: anh V, chị L trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 244, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N. T. V và chị N. T. T. L.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: Anh V, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh N. T. V đối với chị N. T. T. L.

4. Về nợ chung: anh V, chị L trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 1.871.000 (Một triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0027073 ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0027117 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho anh V số tiền chênh lệch là 1.571.000 (Một triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: anh V, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến